

Số: /2021/NQ-HĐND

Nam Định, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Nam Định

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;*

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Thông tư 113/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Nam Định; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Nam Định, như sau:

1. Đối tượng thu, nộp và miễn nộp phí
 - a) Đối tượng nộp phí

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

b) Đối tượng thu phí: Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại các huyện và thành phố.

c) Đối tượng miễn nộp phí

- Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

- Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng do lỗi của người thực hiện đăng ký;

- Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xoá thông báo việc kê biên của Chấp hành viên theo quy định của pháp luật thi hành án;

- Thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân sau khi được cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm;

- Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên;

- Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng;

- Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.

2. Mức thu phí

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Mức thu (đồng)	Ghi chú
I	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm			
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm lần đầu	Hồ sơ	80.000	
2	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	Hồ sơ	60.000	
3	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	Hồ sơ	30.000	
4	Xoá đăng ký giao dịch bảo đảm	Hồ sơ	20.000	
II	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ	30.000	

3. Quản lý và sử dụng phí

a) Tổ chức thu phí được trích lại 90% (chín mươi phần trăm) tổng số tiền thu được để trang trải cho các nội dung chi theo quy định của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn

một số điều của Luật Phí và Lệ phí, số còn lại 10% (mười phần trăm) nộp vào ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, thu, nộp phí và quyết toán theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

c) Các nội dung khác liên quan đến kê khai, thu, nộp phí được thực hiện theo quy định của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định khóa XIX, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2021, có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 20... và thay thế Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Nam Định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc Hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Như Điều 2, Điều 3;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Nam Định; Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ; Website tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH